UHY Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

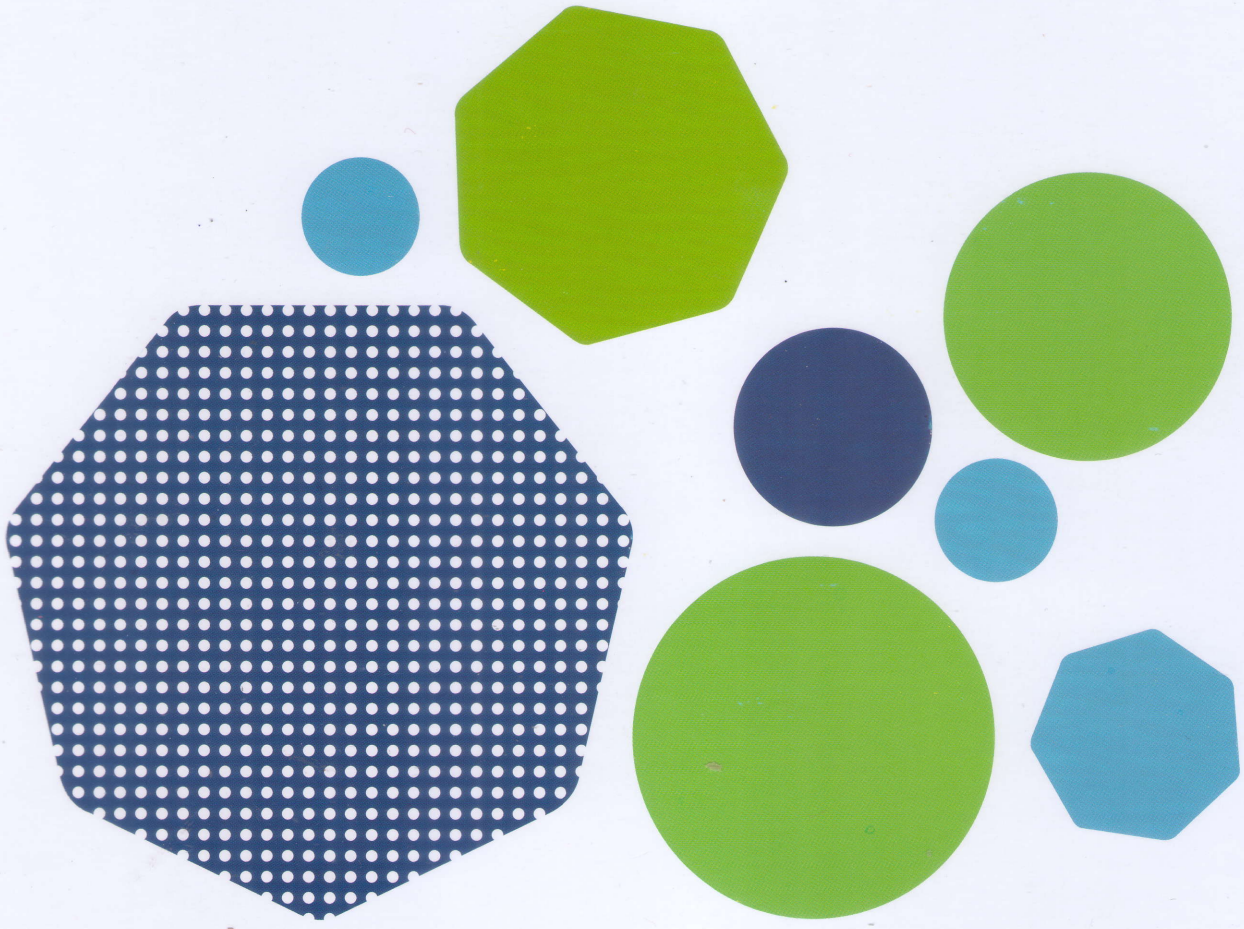

Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

Giúp Khách hàng phát triển thịnh vượng

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM
Ký ngày: 19-3-2024 11:02:02

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

Tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Liên Hợp Thực phẩm (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Công	Chủ tịch
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Tuyến	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Ủy viên
Bà Dương Thị Phong	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tuấn Tú	Giám đốc
Ông Lưu Xuân Hải	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Công	Phó Giám đốc
Bà Dương Thị Phong	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Chu Thị Bích Liên	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Phương Dung	Thành viên
Bà Vũ Thị Ngọc	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Dương Thị Phong

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện phát sinh nào sau ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0500238266 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM - Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Tuấn Tú
Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Số: 240/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Liên hợp Thực phẩm (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2023, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh 2.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 60.392.091.601 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 60.928.720.362 đồng), dòng tiền hoạt động kinh doanh tiếp tục âm. Các vấn đề nêu trên dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đang thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty, Công ty đã chính thức tạm dừng hoạt động sản xuất bia (hoạt động kinh doanh chính) để khắc phục thua lỗ đồng thời tổ chức lại lao động và chi trả trợ cấp mất việc làm cho cho cán bộ công nhân viên nghỉ việc sau khi dừng sản xuất bia. Dựa trên cơ sở các Hợp đồng kinh tế cho thuê các kiot bán hàng đã ký kết thực hiện trong năm 2023 và chuẩn bị thực hiện trong năm 2024, Ban Giám đốc Công ty cam kết vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi bù đắp một phần khoản lỗ lũy kế. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021082
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3660-2021-112-1

Ngô Anh Dũng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 5215-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**15.613.240.316**	**15.556.042.369**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**2.254.532.324**	**2.991.911.922**
Tiền	111		2.254.532.324	2.991.911.922
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**4.043.000.000**	**3.400.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.043.000.000	3.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**9.315.707.992**	**9.164.130.447**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.559.377.273	1.530.814.728
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	71.676.000	58.203.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.237.820.611	8.128.278.611
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(553.165.892)	(553.165.892)
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**769.351.159**	**812.406.570**
Tài sản cố định	**220**		**280.014.620**	**304.706.616**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	280.014.620	280.014.620
- Nguyên giá	*222*		*8.702.129.445*	*8.702.129.445*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(8.422.114.825)*	*(8.422.114.825)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	24.691.996
- Nguyên giá	*228*		268.580.000	268.580.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		(268.580.000)	(243.888.004)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**432.417.345**	**432.417.345**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	432.417.345	432.417.345
Tài sản dài hạn khác	**260**		**56.919.194**	**75.282.609**
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	56.919.194	75.282.609
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**16.382.591.475**	**16.368.448.939**

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**7.314.618.316**	**7.837.104.541**
Nợ ngắn hạn	**310**		**2.883.781.316**	**3.406.267.541**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	174.572
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	10.001.400	11.320.122
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	79.214.370	89.059.161
Phải trả người lao động	314		323.033.300	409.326.100
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.471.141.127	2.895.996.467
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		391.119	391.119
Nợ dài hạn	**330**		**4.430.837.000**	**4.430.837.000**
Phải trả dài hạn khác	337	16	4.430.837.000	4.430.837.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**9.067.973.159**	**8.531.344.398**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**17**	**9.067.973.159**	**8.531.344.398**
Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	59.970.400.000	59.970.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*59.970.400.000*	*59.970.400.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		8.556.300.000	8.556.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		933.364.760	933.364.760
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(60.392.091.601)	(60.928.720.362)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(60.928.720.362)*	*(63.303.550.369)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*536.628.761*	*2.374.830.007*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**16.382.591.475**	**16.368.448.939**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Hồng Hoa	Dương Thị Phong	Nguyễn Tuấn Tú

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**18**	**7.785.780.621**	**5.094.313.956**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**7.785.780.621**	**5.094.313.956**
Giá vốn hàng bán	**11**	**19**	**3.814.609.434**	**2.639.900.388**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**3.971.171.187**	**2.454.413.568**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	270.496.723	153.931.207
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.754.960.288	3.891.850.232
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**486.707.622**	**(1.283.505.457)**
Thu nhập khác	31	21	51.503.994	3.824.990.890
Chi phí khác	32	22	1.582.855	166.655.426
Lợi nhuận khác	**40**		**49.921.139**	**3.658.335.464**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**536.628.761**	**2.374.830.007**
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**536.628.761**	**2.374.830.007**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**26**	**89**	**396**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**27**	**89**	**396**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Hồng Hoa	Dương Thị Phong	Nguyễn Tuấn Tú

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		9.199.611.800	6.121.388.504
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(2.221.417.257)	(1.578.032.283)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(2.521.316.000)	(2.345.637.750)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		953.887.675	575.180.988
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(5.775.642.539)	(6.755.543.102)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(364.876.321)***	***(3.982.643.643)***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.043.000.000)	(3.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.400.000.000	5.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		270.496.723	153.931.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(372.503.277)***	***1.753.931.207***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	**40**		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(737.379.598)**	**(2.228.712.436)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**2.991.911.922**	**5.220.624.358**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**2.254.532.324**	**2.991.911.922**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Hồng Hoa	Dương Thị Phong	Nguyễn Tuấn Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000235 đăng ký lần đầu ngày 15/01/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ bảy (07) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại số 267, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Nhân viên công ty tại 31/12/2023 là 43 người (tại 31/12/2022 là 46 người).

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

- Công nghiệp bia, nước giải khát, rượu, bánh, mứt các loại (đã dừng hoạt động);
- Sản xuất bia, thương mại (đã dừng hoạt động);
- Chế biến kinh doanh thực phẩm chất lượng cao từ các nông sản (đã dừng hoạt động);
- Dịch cụ ăn uống, phục vụ hội nghị (đã dừng hoạt động);
- Bán buôn, bán lẻ hàng hóa thực phẩm và công nghệ thực phẩm (đã dừng hoạt động);
- Cho thuê Ki-ot bán hàng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là cho thuê Ki-ot bán hàng.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

1.4 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong năm tài chính, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2023 Công ty có khoản lỗ lũy kế là 60.392.091.601 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 60.928.720.362 đồng), dòng tiền hoạt động kinh doanh tiếp tục âm. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đang thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty, Công ty đã chính thức tạm dừng hoạt động sản xuất bia (hoạt động kinh doanh chính) để khắc phục thua lỗ đồng thời tổ chức lại lao động và chi trả trợ cấp mất việc làm cho cho cán bộ công nhân viên nghỉ việc sau khi dừng sản xuất bia. Dựa trên cơ sở các Hợp đồng kinh tế cho thuê các kiot bán hàng đã ký kết thực hiện trong năm 2023 và chuẩn bị thực hiện trong năm 2024, Ban Giám đốc Công ty cam kết vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi bù đắp một phần khoản lỗ lũy kế. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

2.4 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền..

3.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 08

3.7 NGUYÊN TẮC CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phải trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phải trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.
- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính của Công ty.

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

3.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
  Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2023 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	29.013.610	2.069.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.225.518.714	2.989.842.696
Cộng	**2.254.532.324**	**2.991.911.922**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	4.043.000.000	3.400.000.000
Cộng	**4.043.000.000**	**3.400.000.000**

(*) Bao gồm 03 hợp đồng tiền gửi có kì hạn:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á: Hợp đồng số 20231129/005/02 với kỳ hạn 6 tháng; lãi suất 5,3%/năm; từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/05/2024; số tiền 1.043.000.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á: Hợp đồng số 20230512/005/01 với kỳ hạn 9 tháng; lãi suất 8,5%/năm; từ ngày 12/05/2023 đến ngày 13/02/2024; số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á: Hợp đồng số 20230525/005/03 với kỳ hạn 9 tháng; lãi suất 8,5%/năm; từ ngày 25/05/2023 đến ngày 26/02/2024; số tiền 1.000.000.000 đồng.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**71.676.000**	**58.203.000**
- Công ty TNHH Xăng dầu Xuân Thắng	20.000.000	20.000.000
- Công ty TNHH TM & Trắc địa bản đồ Khôi Nguyên	28.550.000	28.550.000
- Các đối tượng khác	23.126.000	9.653.000
Cộng	**71.676.000**	**58.203.000**

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**1.559.377.273**	**(553.165.892)**	**1.530.814.728**	**(553.165.892)**
- Công ty TNHH ĐTPTTM dịch vụ Thành Đô	8.646.200	-	8.646.200	-
- Tổ tiêu thụ số 1 (cũ)	95.496.030	-	95.496.030	-
- Ông Phùng Văn Hải	470.926.000	(470.926.000)	470.926.000	(470.926.000)
- Công ty CP đầu tư và Thương Mại Như Ý	208.224.200	-	208.224.200	-
- Tổ tiêu thụ số 4 - Hương	207.013.813	-	207.013.813	-
- Khách hàng khác	569.071.030	(82.239.892)	540.508.485	(82.239.892)
Cộng	**1.559.377.273**	**(553.165.892)**	**1.530.814.728**	**(553.165.892)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	**8.237.820.611**	**-**	**8.128.278.611**	**-**
- Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng (*)	6.589.050.411	-	6.589.050.411	-
- Phải thu ngắn hạn khác	77.270.200	-	77.270.200	-
- Tạm ứng cho Cán bộ công nhân viên	1.571.500.000	-	1.461.958.000	
Cộng	**8.237.820.611**	**-**	**8.128.278.611**	**-**

(*) Khoản lãi cho vay theo hợp đồng vay vốn số 2009-01/BSV-LHTP ngày 26/12/2009 và phụ lục hợp đồng số 2011PL2/BSV-LHTP ngày 22/09/2011.

9. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn	**553.165.892**	**(553.165.892)**	**553.165.892**	**(553.165.892)**
- Công ty TNHH MT & TĐBĐ Khôi Nguyên	28.550.000	(28.550.000)	28.550.000	(28.550.000)
- Ông Nguyễn Mạnh Thắng	53.689.892	(53.689.892)	53.689.892	(53.689.892)
- Ông Phùng Văn Hải	470.926.000	(470.926.000)	470.926.000	(470.926.000)
Cộng	**553.165.892**	**(553.165.892)**	**553.165.892**	**(553.165.892)**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2023	**7.506.893.446**	**52.835.999**	**1.142.400.000**	**8.702.129.445**
31/12/2023	**7.506.893.446**	**52.835.999**	**1.142.400.000**	**8.702.129.445**
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2023	**(7.226.878.826)**	**(52.835.999)**	**(1.142.400.000)**	**(8.422.114.825)**
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
31/12/2023	**(7.226.878.826)**	**(52.835.999)**	**(1.142.400.000)**	**(8.422.114.825)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	**280.014.620**	**-**	**-**	**280.014.620**
31/12/2023	**280.014.620**	**-**	**-**	**280.014.620**

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 8.431.667.472 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 8.431.667.472 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	**268.580.000**	**268.580.000**
31/12/2023	**268.580.000**	**268.580.000**
HAO MÒN LŨY KẾ		-
01/01/2023	**(243.888.004)**	**(243.888.004)**
- Khấu hao trong năm	(24.691.996)	(24.691.996)
31/12/2023	**(268.580.000)**	**(268.580.000)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		-
01/01/2023	**51.550.000**	**51.550.000**
31/12/2023	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền tại ngày 31/12/2023 là: 268.580.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 243.888.004 đồng)

12. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**432.417.345**	**432.417.345**
- Chi phí phục vụ di dời nhà máy bia	432.417.345	432.417.345
	432.417.345	**432.417.345**

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dài hạn	**56.919.194**	**75.282.609**
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	56.919.194	75.282.609
Cộng	**56.919.194**	**75.282.609**

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
- Công ty cổ phần men Hợp Pháp	5.000.000	5.000.000
- Quầy bán lẻ 4 - Nga (QL2 trước)	5.000.000	5.000.000
- Tổ tiêu thụ 1	-	505.882
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.400	814.240
Cộng	**10.001.400**	**11.320.122**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	83.059.161	749.739.979	760.084.770	72.714.370
- Thuế thu nhập cá nhân	6.000.000	35.606.245	35.106.245	6.500.000
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.916.695.787	1.916.695.787	-
- Các loại thuế khác	-	56.685.246	56.685.246	-
	89.059.161	**2.758.727.257**	**2.768.572.048**	**79.214.370**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	**2.471.141.127**	**2.895.996.467**
- Kinh phí công đoàn	117.844.562	244.504.012
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.804.003.165	2.100.199.055
+ *Phạm Quỳnh Trang*	15.966.000	15.966.000
+ *Tiền bảo hiểm, thai sản trả cho người lao động*	11.373.965	11.373.955
+ *Trợ cấp mất việc làm phải trả cán bộ công nhân viên*	1.776.663.200	2.072.859.100
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	549.293.400	551.293.400
b) Phải trả dài hạn khác	**4.430.837.000**	**4.430.837.000**
- Phải trả, phải nộp dài hạn khác	4.430.837.000	4.430.837.000
Cộng	**6.901.978.127**	**7.326.833.467**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	**59.970.400.000**	**8.556.300.000**	**933.364.760**	**(63.303.550.369)**	**6.156.514.391**
Lãi năm trước	-	-	-	2.374.830.007	2.374.830.007
31/12/2022	**59.970.400.000**	**8.556.300.000**	**933.364.760**	**(60.928.720.362)**	**8.531.344.398**
01/01/2023	**59.970.400.000**	**8.556.300.000**	**933.364.760**	**(60.928.720.362)**	**8.531.344.398**
Lãi năm nay	-	-	-	536.628.761	536.628.761
31/12/2023	**59.970.400.000**	**8.556.300.000**	**933.364.760**	**(60.392.091.601)**	**9.067.973.159**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
- Công ty Cổ phần GEMADEPT	15.928.900.000	26,56%	15.928.900.000	26,56%
- Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	20.985.200.000	34,99%	20.985.200.000	34,99%
- Vốn góp của các cổ đông khác	23.056.300.000	38,45%	23.056.300.000	38,45%
Cộng	**59.970.400.000**	**100,00%**	**59.970.400.000**	**100,00%**

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	59.970.400.000	59.970.400.000
+ Vốn góp cuối năm	59.970.400.000	59.970.400.000

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.997.040	5.997.040
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.997.040	5.997.040
+ Cổ phiếu phổ thông	*5.997.040*	*5.997.040*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.997.040	5.997.040
+ Cổ phiếu phổ thông	*5.997.040*	*5.997.040*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.785.780.621	5.094.313.956
Cộng	**7.785.780.621**	**5.094.313.956**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.814.609.434	2.639.900.388
Cộng	**3.814.609.434**	**2.639.900.388**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	270.496.723	153.931.207
Cộng	**270.496.723**	**153.931.207**

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	3.790.909.090
- Các khoản khác	51.503.994	34.081.800
Cộng	**51.503.994**	**3.824.990.890**

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá trị còn lại CCDC thanh lý	-	166.655.426
- Các khoản chi phí khác	1.582.855	-
Cộng	**1.582.855**	**166.655.426**

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nhân công	3.046.711.880	3.034.233.580
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.691.996	69.828.633
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.556.412	787.788.019
Cộng	**3.754.960.288**	**3.891.850.232**

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**536.628.761**	**2.374.830.007**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	536.628.761	2.374.830.007
Chuyển lỗ các năm trước	536.628.761	2.374.830.007
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong năm và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã kết chuyển lỗ đến 31/12/2023	Lỗ chưa kết chuyển tại 31/12/2023	Kiểm tra quyết toán
		VND	VND	VND	
2018	2023	5.240.056.828	(536.628.761)	4.703.428.067	Chưa quyết toán
2019	2024	8.321.632.563	-	8.321.632.563	Chưa quyết toán
2020	2025	19.136.101.353	-	19.136.101.353	Chưa quyết toán
2021	2026	689.706.332	-	689.706.332	Chưa quyết toán
		33.387.497.076	(536.628.761)	32.850.868.315	

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	536.628.761	2.374.830.007
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	5.997.040	5.997.040
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	**89**	**396**

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí nhân công	3.046.711.880	3.034.233.580
- Khấu hao tài sản cố định	24.691.996	69.828.633
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.556.412	3.427.688.407
	3.754.960.288	**6.531.750.620**

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ với các bên liên quan có phát sinh trong năm 2023 bao gồm:

- Công ty Cổ phần GEMADEPT	Cổ đông Công ty
- Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	Cổ đông Công ty
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thơ	Cổ đông Công ty
- Ông Nguyễn Hoàng Duy	Cổ đông Công ty
- Bà Phạm Thị Huệ	Cổ đông Công ty
- Bà Trần Thị Thu Thảo	Cổ đông Công ty
- Bà Nguyễn Thị Thủy	Cổ đông Công ty

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn	**6.589.050.411**	**6.589.050.411**
- Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	6.589.050.411	6.589.050.411

Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc:

	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Ông Nguyễn Tuấn Tú	Giám đốc	336.728.200	327.262.600
- Ông Lưu Xuân Hải	Phó Giám đốc	276.884.600	246.423.000
- Ông Trần Văn Công	Phó Giám đốc	311.675.200	320.023.200
- Bà Dương Thị Phong	Kế toán trưởng	295.104.100	289.145.200
Cộng		**1.220.392.100**	**1.182.854.000**

29.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Hồng Hoa	Dương Thị Phong	Nguyễn Tuấn Tú